

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHA TRANG SEAFOODS – F17**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 – 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	6 – 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11 – 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 – 47
8. Phụ lục 1: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	48
9. Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	49

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là công ty được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước là Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang thành Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 theo Quyết định số 1875/QĐ-UB ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2004, Điều lệ sửa đổi đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 thông qua ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200567428 ngày 01 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp (sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000107 lần đầu vào ngày 06 tháng 8 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp).

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 08 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Điện thoại : (058) 3 831 043
Fax : (058) 3 831 034

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Khai thác thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán rượu, quầy bar);
- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Ông Trần Thiện Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Bà Đào Thị Minh Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Ông Ngô Tuấn Kiệt	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Phi Thương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Ông Phạm Bảo Quốc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007
Bà Phạm Thị Ngọc Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2007

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012
Ông Trần Thiện Tâm	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Ngô Văn Ích (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Ngô Văn Len

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo pháp luật

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 104/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Nha Trang, ngày 31 tháng 3 năm 2017

ngk

Hàng Quỳnh Hạnh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0963-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.599.296.633.827	1.371.850.529.330
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	363.125.827.568	373.812.440.322
1. Tiền	111		238.125.827.568	216.562.440.322
2. Các khoản tương đương tiền	112		125.000.000.000	157.250.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		399.263.672.500	21.200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	399.263.672.500	21.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		453.924.613.269	434.765.197.879
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	409.723.693.143	398.998.197.268
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	16.776.822.091	10.138.377.198
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	30.842.244.107	27.560.564.652
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.418.146.072)	(1.931.941.239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		351.658.558.385	517.846.198.230
1. Hàng tồn kho	141	V.7	351.658.558.385	517.846.198.230
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.323.962.105	24.226.692.899
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.195.929.655	2.132.535.399
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.647.197.562	15.714.748.573
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	7.480.834.888	6.379.408.927
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		639.379.906.670	566.737.862.055
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		159.110.988	87.503.988
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	159.110.988	87.503.988
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		481.219.210.713	476.614.994.214
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	426.686.358.912	417.966.502.767
- Nguyên giá	222		778.679.089.055	712.304.032.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(351.992.730.143)	(294.337.530.092)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	54.532.851.801	58.648.491.447
- Nguyên giá	228		82.817.666.716	82.592.496.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(28.284.814.915)	(23.944.005.269)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		89.635.389.536	49.877.569.952
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	89.635.389.536	49.877.569.952
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		38.849.550.000	10.795.310.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	10.500.000.000	10.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	28.349.550.000	295.310.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		29.516.645.433	29.362.483.901
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	28.343.636.998	28.117.957.129
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.173.008.435	1.244.526.772
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.238.676.540.497	1.938.588.391.385

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.245.717.787.947	1.083.093.613.147
I. Nợ ngắn hạn	310		1.245.217.787.947	1.082.593.613.147
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	65.790.160.253	41.541.373.764
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	7.991.810.845	21.218.928.002
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.615.947.488	4.722.669.999
4. Phải trả người lao động	314	V.16	36.244.651.729	31.881.597.441
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	6.091.556.013	8.669.122.729
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	134.132.072.852	148.506.043.924
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	954.277.434.729	798.999.912.444
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	38.074.154.038	27.053.964.844
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		500.000.000	500.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	500.000.000	500.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

0449
CHỈ I
ÔNG
M TOA
A
Tại NH
TRANG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

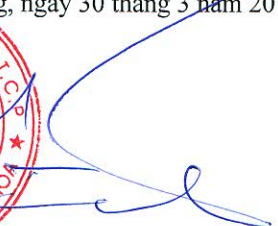
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		992.958.752.550	855.494.778.238
I. Vốn chủ sở hữu	410		992.958.752.550	855.494.778.238
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	188.000.000.000	188.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188.000.000.000	188.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	40.483.433.451	38.917.061.563
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	238.959.840.334	212.335.904.187
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		179.947.683.581	212.335.904.187
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		59.012.156.753	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	525.515.478.765	416.241.812.488
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.238.676.540.497	1.938.588.391.385


Nguyễn Dân Tiến
 Người lập biểu


Trần Thiện Tâm
 Kế toán trưởng



Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2017


Ngô Văn Ích
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

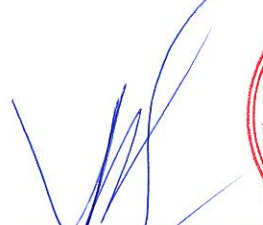
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

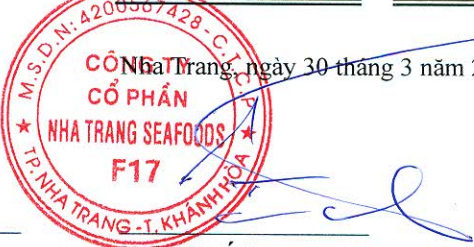
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.424.094.425.906	2.927.226.631.175
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	13.447.861.047	27.478.019.884
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.410.646.564.859	2.899.748.611.291
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.049.857.846.152	2.530.920.005.471
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		360.788.718.707	368.828.605.820
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	34.993.200.019	31.591.586.748
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	43.386.602.952	75.611.095.132
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18.632.359.989	29.039.066.828
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	146.019.351.799	154.862.035.762
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	71.341.000.243	60.290.120.820
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		135.034.963.732	109.656.940.854
12. Thu nhập khác	31	VI.8	800.096.067	9.280.144.610
13. Chi phí khác	32	VI.9	3.313.316.387	470.698.567
14. Lợi nhuận khác	40		(2.513.220.320)	8.809.446.043
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		132.521.743.412	118.466.386.897
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	15.590.104.512	14.784.534.168
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	71.518.337	138.311.450
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		116.860.120.563	103.543.541.279
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		64.606.080.097	51.014.685.130
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		52.254.040.466	52.528.856.149
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.11a, b	3.230	2.303
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.11a, b	3.230	2.303


 Nguyễn Dân Tiến
 Người lập biểu


 Trần Thiện Tâm
 Kế toán trưởng


 Ngô Văn Ích
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 kiêm Giám đốc



Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		132.521.743.412	118.466.386.897
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		62.868.375.054	55.516.491.362
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	14.097.352.800	(992.316.417)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.323.029.008)	(8.299.456.954)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	18.632.359.989	29.039.066.828
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		212.796.802.247	193.730.171.716
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.433.407.146)	424.026.979.236
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		166.187.639.845	120.429.276.367
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		15.546.212.809	(7.777.380.019)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(289.074.125)	(1.617.752.688)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18a, VI.5	(18.610.718.933)	(31.831.864.153)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(17.356.239.743)	(49.425.050.077)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		28.725.000	20.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.651.585.273)	(6.163.544.301)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		331.218.354.681	641.390.836.081
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(107.479.236.798)	(94.099.769.703)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		286.363.636	1.409.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(378.063.672.500)	(21.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c	(28.054.240.000)	(10.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.059.915.347	8.307.881.525
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(501.250.870.315)	(105.592.797.269)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

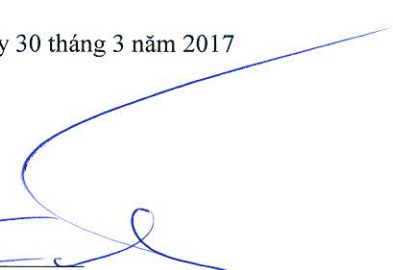
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		95.719.500.000	29.413.500.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	2.763.708.292.244	2.263.930.466.034
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(2.623.603.222.992)	(2.777.121.396.754)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(76.807.031.714)	(65.586.638.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		159.017.537.538	(549.364.069.270)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(11.014.978.096)	(13.566.030.458)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	373.812.440.322	387.726.010.843
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		328.365.342	(347.540.063)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	363.125.827.568	373.812.440.322


Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu


Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng

Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2017




Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Sản xuất, gia công, lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp và thiết bị lạnh; Mua bán máy móc thiết bị và vật tư; Khai thác nước khoáng nóng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 5 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods F89	Phường Hộ Phòng, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu	Khai thác, nuôi trồng thủy sản nội địa; Sản xuất giống thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	99	99	99	99
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Khu Công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	Đánh bắt thủy sản; Nuôi thủy sản; Chế biến	98,68	98,68	98,68	98,68
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF (*)	Lô 1, 2, 3, 4, 5 - Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Khai thác nuôi trồng chế biến thủy sản	25,02	25,58	25,02	25,58

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF (*)	Ấp Phước Thạnh, Xã Quới Thiện, Huyện Vĩnh Liêm, Tỉnh Vĩnh Long	Khai thác nuôi trồng chế biến thủy sản	24,99	26,77	24,99	26,77
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng Nóng - Nha Trang Seafoods F17 (*)	Xuân Ngọc, Vĩnh Ngọc, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Khai thác nước khoáng nóng, bùn khoáng; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Sản xuất mỹ phẩm và nước khoáng; Vận tải hành khách. Dịch vụ tắm hơi, massage	11	19,63	11	19,63

(*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các Công ty này ít hơn 50% nhưng theo thỏa thuận Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động của các công ty này. Do vậy các Công ty này bị Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 kiểm soát và Báo cáo tài chính của các Công ty này được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5c. Công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty chỉ có 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin có trụ sở chính tại số 777 Lê Hồng Phong, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đăng ký ngành nghề kinh doanh là: Khám chẩn đoán và điều trị, phục hồi chức năng và điều dưỡng; nhưng chưa đi vào hoạt động. Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 35%. Tập đoàn hợp nhất công ty liên kết theo phương pháp giá gốc do không có đủ thông tin tài chính của Công ty này (đã ngừng hoạt động từ các năm trước) cũng như do chưa thỏa thuận được chi phí phân chia với các cổ đông góp vốn khác (xem thuyết minh số V.2b).

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Cửa hàng Vật tư Thủy sản	Số 05 Sinh Trung, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F90	Số 01 Phước Long, Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F17	Số 58B đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà hàng Nha Trang Seafood	Số 46 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Cửa hàng Kinh doanh	Số 71 Phan Bội Châu, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F394	Số 01 Phước Long, Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 Tập đoàn có 4.543 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 3.763 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Công ty chỉ có 01 công ty liên kết là Công ty cổ phần Bệnh viện Yersin (xem thuyết minh số I.5c). Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất trả trước một lần, chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	7 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (từ 45 năm đến 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Đối với quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Thốt Nốt - Thành phố Cần Thơ, thời hạn thuê là 50 năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 57221000028 ngày 26/10/2007 của Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Cần Thơ, Công ty được miễn tiền thuê lại đất trong thời gian xây dựng, nhưng tối đa không quá 24 tháng. Do đó, Quyền sử dụng đất được khấu hao trong vòng 48 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các qui định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Tập đoàn đã được hưởng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	47.373.649.345	12.652.451.586
Tiền gửi ngân hàng	190.752.178.223	203.909.988.736
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	125.000.000.000	157.250.000.000
Cộng	363.125.827.568	373.812.440.322

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền có giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính là 254.158.835.024 VND (số đầu năm là 285.156.347.176 VND) được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.19).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại cổ phần. Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng là 341.050.000.000 VND được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.18a). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư bằng với giá trị ghi sổ.

2b. Đầu tư vào Công ty liên kết

Tập đoàn đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin 21.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư 10.500.000.000 VND, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã ngưng hoạt động. Tập đoàn có thể gánh chịu một phần chi phí từ việc chia lỗ khoản đầu tư này. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn chưa dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin do các bên góp vốn chưa thỏa thuận được chi phí phân chia.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã ngưng hoạt động.

Giao dịch với công ty liên kết

Trong năm nay và năm trước Tập đoàn không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	285.310.000	-	359.725.100	285.310.000	-	444.577.200
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	27.014.240.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.040.000.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần ONSEN	10.000.000	-	-	10.000.000	-	-
Cộng	28.349.550.000	-	-	295.310.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Tập đoàn đã đầu tư 23.902 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (CTG) với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND (số đầu năm là 23.902 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND).
- (ii) Trong năm, Tập đoàn đã đầu tư 2.701.424 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Khánh Hòa. Khoản đầu tư này thông qua Công ty con là Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 (Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 sở hữu 46,56 % vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Khánh Hòa). Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại ngày kết thúc năm tài chính là 5%.
- (iii) Trong năm, Tập đoàn đầu tư 104.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa. Khoản đầu tư này thông qua Công ty con là Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 (Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 sở hữu 6,93 % vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa). Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại ngày kết thúc năm tài chính là 3,3%.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Cam kết góp vốn

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201678875 ngày 07 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp cho Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa, Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng Nóng Nha Trang đăng ký góp 4.500.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 1.040.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa là 3.460.000.000 VND.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>307.687.311</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Onsen	307.687.311	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>409.416.005.832</i>	<i>398.998.197.268</i>
Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	180.698.978.701	40.944.660.910
Công ty Seafood Connection B.V	39.835.698.888	21.092.523.773
Công ty NTCT Company, Inc.	36.221.853.863	120.059.429.496
Công ty NTCT Seafood, Inc.	-	92.958.519.322
Các khách hàng khác	152.659.474.380	123.943.063.767
Cộng	<u>409.723.693.143</u>	<u>398.998.197.268</u>

Khoản phải thu khách hàng có giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính là 98.407.916.014 VND (số đầu năm là 70.739.764.786 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác	16.776.822.091	10.138.377.198
Công ty TNHH Một thành viên Proconco Cần Thơ	1.224.094.556	-
Ông Nguyễn Văn Dũng	1.638.692.043	21.895.543
Công ty TNHH Điện lạnh Sài Gòn	2.600.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Vũ	1.314.464.000	650.000.000
Bà Lê Kim Hồng	1.200.512.863	214.438.263
DNTN Khải Anh	1.100.000.000	-
Các khách hàng khác	7.699.058.629	9.252.043.392
Cộng	16.776.822.091	10.138.377.198

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	792.858.293	-	-	-
Công ty Cổ phần Onsen - phải thu chi phí sản xuất nước	792.858.293	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	30.049.385.814	-	27.560.564.652	-
Tạm ứng	24.434.797.282	-	19.347.984.217	-
Phải thu Lê Thị Mỹ Dung	-	-	6.594.916.307	-
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000	-	1.000.000	-
Bảo hiểm xã hội	966.511	-	212.978.538	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	4.307.874.895	-	481.027.777	-
Thuế GTGT chưa kê khai	84.352.954	-	27.332.479	-
Thuế thu nhập cá nhân	549.203.460	-	477.719.116	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	671.190.712	-	417.606.218	-
Cộng	30.842.244.107	-	27.560.564.652	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	159.110.988	-	87.503.988	-
Các khoản ký quỹ dài hạn	159.110.988	-	84.110.988	-
Phải thu nhân viên tiền mua cổ phiếu chậm trả	-	-	3.393.000	-
Cộng	159.110.988	-	87.503.988	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác		4.079.072.572	660.926.500		2.592.867.739	660.926.500
Công ty Aquatila - phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.789.517.009	-	Trên 3 năm	1.789.517.009	-
Công ty NHA TRANG IMPORT & EXPORT - phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.211.560.936	-	Trên 3 năm	-	-
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Tỉnh Mỹ - Trả trước người bán ngắn hạn	Trên 3 năm	274.643.897	-	Từ 1 đến 2 năm	-	-
Các khách hàng khác - Trả trước người bán ngắn hạn	Trên 3 năm	803.350.730	660.926.500	Trên 3 năm	803.350.730	660.926.500
Cộng		4.079.072.572	660.926.500		2.592.867.739	660.926.500

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.931.941.239	1.931.941.239
Trích lập dự phòng bổ sung	1.486.204.833	-
Số cuối năm	3.418.146.072	1.931.941.239

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	52.090.375.215	-	34.099.656.844	-
Công cụ, dụng cụ	2.104.771.149	-	2.044.556.762	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	88.046.961.344	-	224.939.275.998	-
Thành phẩm	207.784.972.570	-	255.584.050.621	-
Hàng hóa	1.631.478.107	-	1.178.658.005	-
Cộng	351.658.558.385	-	517.846.198.230	-

Hàng tồn kho có giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính là 271.642.795.080 VND (số đầu năm là 111.846.125.762 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.214.560.646	1.492.856.335
Chi phí bảo hiểm	380.739.742	259.147.677
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	600.629.267	380.531.387
Cộng	2.195.929.655	2.132.535.399

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	3.097.818.751	1.877.823.183
Tiền thuê đất	20.304.369.600	20.352.893.996
Chi phí đền bù	600.000.000	630.000.000
Chi phí sửa chữa	3.804.322.995	2.356.516.498
Các chi phí trả trước dài hạn khác	537.125.652	2.900.723.452
Cộng	28.343.636.998	28.117.957.129

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	307.132.534.678	358.753.303.878	45.667.295.761	715.908.542	34.990.000	712.304.032.859
Mua trong năm	181.818.182	15.316.871.724	14.091.554.061	70.000.000	-	29.660.243.967
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	33.972.082.015	3.066.929.679	781.991.553	-	-	37.821.003.247
Điều chỉnh theo biên bản kiểm tra thuế	849.014.246	-	-	-	-	849.014.246
Phân loại lại tài sản	802.489.500	(802.489.500)	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(160.106.197)	(1.625.165.640)	(169.933.427)	-	-	(1.955.205.264)
Số cuối năm	342.777.832.424	374.709.450.141	60.370.907.948	785.908.542	34.990.000	778.679.089.055

Trong đó:

Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	3.322.711.871	52.258.515.646	2.398.318.710	587.225.815	-	58.566.772.042
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	90.778.199.035	182.654.647.879	20.266.547.809	630.116.825	8.018.544	294.337.530.092
------------	----------------	-----------------	----------------	-------------	-----------	-----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khấu hao trong năm	23.807.834.024	29.682.511.428	5.098.795.990	55.582.677	-	58.644.724.119
Khấu hao tài sản cố định hình thành từ quỹ phúc lợi	-	-	-	-	4.373.752	4.373.752
Điều chỉnh theo biên bản kiểm tra thuế	111.210.351	-	-	-	-	111.210.351
Thanh lý, nhượng bán	(33.640.128)	(904.627.655)	(166.840.388)	-	-	(1.105.108.171)
Số cuối năm	114.663.603.282	211.432.531.652	25.198.503.411	685.699.502	12.392.296	351.992.730.143

Giá trị còn lại

Số đầu năm	216.354.335.643	176.098.655.999	25.400.747.952	85.791.717	26.971.456	417.966.502.767
Số cuối năm	228.114.229.142	163.276.918.489	35.172.404.537	100.209.040	22.597.704	426.686.358.912

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 277.003.083.638 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	81.423.256.716	302.000.000	867.240.000	82.592.496.716
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.240.170.000	-	-	2.240.170.000
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận tài sản	(2.000.000.000)	-	-	(2.000.000.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(15.000.000)	-	(15.000.000)
Số cuối năm	81.663.426.716	287.000.000	867.240.000	82.817.666.716
Trong đó:				
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	1.633.650.000	287.000.000	-	1.920.650.000
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	23.642.005.269	302.000.000	-	23.944.005.269
Khấu hao trong năm	4.312.447.646	-	43.362.000	4.355.809.646
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(15.000.000)	-	(15.000.000)
Số cuối năm	27.954.452.915	287.000.000	43.362.000	28.284.814.915

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	57.781.251.447	-	867.240.000	58.648.491.447
Số cuối năm	53.708.973.801	-	823.878.000	54.532.851.801

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	11.036.863.635	-	-	11.036.863.635
Xây dựng cơ bản dở dang	49.877.569.952	68.796.946.197	(40.075.990.248)	-	78.598.525.901
<i>Các công trình xây dựng nhà xưởng tôm</i>	<i>6.792.102.838</i>	<i>16.430.118.566</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>23.222.221.404</i>
<i>Các công trình đầu tư nhà xưởng tại Bạc Liêu</i>	<i>1.339.909.975</i>	<i>7.331.805.983</i>	<i>(1.470.906.064)</i>	<i>-</i>	<i>7.200.809.894</i>
<i>Khu du lịch khoáng nóng</i>	<i>32.297.699.505</i>	<i>38.013.725.004</i>	<i>(32.297.699.505)</i>	<i>-</i>	<i>38.013.725.004</i>
<i>Dự án Suối khoáng nóng Hòn Thom</i>	<i>3.484.883.382</i>	<i>55.500.000</i>	<i>(2.417.594.592)</i>	<i>-</i>	<i>1.122.788.790</i>
<i>Các công trình khác</i>	<i>5.962.974.252</i>	<i>6.965.796.644</i>	<i>(3.889.790.087)</i>	<i>-</i>	<i>9.038.980.809</i>
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	395.037.300	-	(395.037.300)	-
Cộng	49.877.569.952	80.228.847.132	(40.075.990.248)	(395.037.300)	89.635.389.536

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận liên quan đến lãi nội bộ chưa thực hiện. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.244.526.772	1.571.927.127
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(71.518.337)	(138.311.450)
Điều chỉnh do giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 22% xuống 20% trong năm sau	-	(189.088.905)
Số cuối năm	1.173.008.435	1.244.526.772

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	681.337.000	-
Công ty Cổ phần Onsen	681.337.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	65.108.823.253	41.541.373.764
Công ty Cổ Phần Greenfeed Việt Nam	14.846.724.067	3.100.861.777
Công ty TNHH Vina Foods Kyoei	3.147.305.062	1.486.527.035
Ông Trương Thái Dương	4.265.323.320	-
Các khách hàng khác	42.849.470.804	36.953.984.952
Cộng	65.790.160.253	41.541.373.764

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của người mua khác</i>	7.991.810.845	21.218.928.002
Công ty ShunFat Enterprise	-	13.463.576.418
Công ty Cổ phần Minh Thắng	2.948.698.750	3.611.565.560
J&P Gruop, INC	1.222.261.838	1.222.261.838
El Masria El Saudia for trading and supplying elementary food Company	-	1.337.086.000
Các nhà cung cấp khác	3.820.850.257	1.584.438.186
Cộng	7.991.810.845	21.218.928.002

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thủy, hải sản xuất khẩu	0%
Thủy, hải sản bán cho doanh nghiệp ở khâu thương mại	Không kê khai, không nộp thuế
Thủy, hải sản bán nội địa (tùy từng mặt hàng)	5%, 10%
Cho thuê kho, bán vật tư, dịch vụ khác ...	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty Cổ phần Du lịch – Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh mát xa với thuế suất 30%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood – F17, Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF và Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF

Theo qui định tại khoản 5 điều 11 thông tư 96/2016/TT-BTC ngày 22/6/2015 Bổ sung Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các Công ty áp dụng thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Công ty Cổ phần Thủy sản NT

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 56111000284 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15 tháng 8 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế được áp dụng trong 15 năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính 2008 là năm đầu tiên Công ty đi vào hoạt động kinh doanh và có thu nhập chịu thuế. Năm 2016 là năm thứ 7 Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất và năm thứ 4 Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Ngoài ra, Công ty còn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chế biến thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo qui định tại khoản 1 điều 6 thông tư 96/2016/TT-BTC ngày 22/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chế biến thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo qui định tại Khoản 1 Điều 6 thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	15.203.287.412	14.784.534.168
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	386.817.100	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	15.590.104.512	14.784.534.168

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác bùn khoáng và nước khoáng Công ty Cổ phần Du lịch – Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17.

Giá tính thuế tài nguyên căn cứ theo quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 22/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Thuế suất thuế Tài nguyên căn cứ vào Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH 13 ngày 16/12/2013 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chi tiết như sau:

	Đơn giá (đồng)	Thuế suất
Bùn khoáng	1.300.000 đồng/tấn	5%
Sử dụng nước dưới đất dùng cho hoạt động dịch vụ, sản xuất công nghiệp, xây dựng, khai khoáng	4.000 đồng/m ³	8%
Nước khoáng nóng thiên nhiên phục vụ sản xuất, dịch vụ	6.000 đồng/m ³	8%
Nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp	150 đồng/lít	8%

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các Công ty khác trong Tập đoàn nộp thuế tài nguyên cho việc sử dụng nước dưới đất để phục vụ sản xuất (làm đá lạnh để phục vụ đông lạnh) với giá tính thuế đơn vị tài nguyên là 4.000 VND/m³ với mức thuế suất 5% áp dụng trong 6 tháng đầu năm 2016 và mức thuế suất 8% áp dụng trong 6 tháng cuối năm 2016.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Khoản tiền lương còn phải trả người lao động cuối năm.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	6.091.556.013	8.669.122.729
Lãi vay phải trả	1.408.663.843	1.387.022.787
Chi phí điện nước, vận chuyển, hoa hồng môi giới	2.853.819.813	5.298.728.956
Chi phí tiền thuê đất	-	20.000.000
Chi phí phải trả khác	1.829.072.357	1.963.370.986
Cộng	6.091.556.013	8.669.122.729

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	86.010.527.439	94.872.180.297
Ông Ngô Văn ích – Cổ tức phải trả	48.850.639.648	48.032.560.193
Bà Đào Thị Minh Hương - Cổ tức phải trả	9.104.999.550	11.925.001.200
Ông Ngô Tuấn Kiệt – Cổ tức phải trả	25.816.769.732	31.398.263.997
Ông Huỳnh Long Quân - Cổ tức phải trả	1.406.761.175	1.842.463.430
Bà Nguyễn Thị Thùy Liễu – Cổ tức phải trả	32.465.000	15.740.000
Ông Trần Thiện Tâm – Cổ tức phải trả	424.009.039	528.553.110
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải trả	374.883.295	1.129.598.367
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	48.121.545.413	53.633.863.627
Kinh phí công đoàn	5.474.898.224	3.838.814.222
Bảo hiểm xã hội, y tế	72.781.872	43.076
Cổ tức phải trả cho các cổ đông khác	41.459.629.356	48.808.425.070
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	220.283.475	220.283.475
Quỹ sắp xếp đổi mới doanh nghiệp	441.888.093	441.888.093
Quỹ xóa đói giảm nghèo	293.507.524	293.507.524
Các khoản phải trả khác	158.556.869	30.902.167
Cộng	134.132.072.852	148.506.043.924

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các bên liên quan	57.141.964.439	75.478.587.297
Ông Ngô Văn Ích - Cổ tức phải trả	27.842.686.648	36.466.127.193
Bà Đào Thị Minh Hương - Cổ tức phải trả	9.104.999.550	11.925.001.200
Ông Ngô Tuấn Kiệt - Cổ tức phải trả	18.021.089.732	23.602.583.997
Ông Huỳnh Long Quân - Cổ tức phải trả	1.406.761.175	1.842.463.430
Ông Trần Thiện Tâm - Cổ tức phải trả	391.544.039	512.813.110
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	374.883.295	1.129.598.367
Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác	34.282.914.356	44.901.023.070
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	34.282.914.356	44.901.023.070
Cộng	91.424.878.795	120.379.610.367

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

19a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	954.277.434.729	798.999.912.444
Vay ngắn hạn ngân hàng	954.060.625.729	798.783.103.444
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	252.362.328.713	238.974.664.224
- Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	615.821.645.502	546.456.174.220
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	85.876.651.514	13.352.265.000
Vay ngắn hạn các cá nhân ^(iv)	216.809.000	216.809.000
Cộng	954.277.434.729	798.999.912.444

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xuất khẩu thủy sản. Thời hạn vay dưới 01 năm, lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là toàn bộ công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, truyền dẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty tại số 01 Phước Long - Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ; hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods F89 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh chế biến thủy hải sản. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 46, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu và toàn bộ công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý thuộc quyền sở hữu của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn thế chấp quyền đòi nợ từ các hợp đồng xuất khẩu; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng; toàn bộ hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của bên vay tại mọi thời điểm để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
 - Khoản vay tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT để bổ sung vốn lưu động với hạn mức dư nợ tối đa là 75.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý thuộc quyền sở hữu của bên vay tại Khu cảng cá Tắc Cậu - ấp Minh Phong - xã Bình An - huyện Châu Thành - tỉnh Kiên Giang theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 03/2011/HĐTC ngày 16/11/2011 và các hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2011/HĐTC ngày 16/11/2011, số 03/2015/2902985/HĐBĐ ngày 06/04/2015, số 01/2015/2902985/HĐBĐ ngày 12/10/2015.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:
- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ chế biến thủy sản xuất khẩu. Thời hạn theo từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng, lãi suất vay theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 58B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39), toàn bộ quyền sử dụng đất tại 309 Đường 2/4 - Vĩnh Phước, toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Trụ sở chính 56B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 58), Nhà hàng Seafoods số 46 Nguyễn Thị Minh Khai- Lộc Thọ, Nhà số 71 Phan Bội Châu- Xương Huân, Phân xưởng 310 Đường 2/4- Vĩnh Phước, Nhà số 05 Sinh Trung - Vạn Thạnh. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood - F17 tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF, toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị văn phòng, thiết bị truyền dẫn, phương tiện vận tải, hàng tồn kho để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
 - Khoản vay tại Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF để bổ sung vốn lưu động thu mua nguyên vật liệu, thanh toán chi phí trực tiếp nuôi trồng thủy sản và chế biến thủy sản xuất khẩu. Thời hạn vay trên từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng, lãi suất cho vay thông thường được áp dụng phương thức lãi suất thả nổi theo thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc, thiết bị, nhà xưởng, phương tiện vận tải, các tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Lô C1, C2, C3, C4, C5 Khu Công nghiệp Thốt Nốt – Thành phố Cần Thơ, toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF, toàn bộ hàng hóa, nguyên liệu, thành phẩm, bán thành phẩm thuộc sở hữu của Công ty và toàn bộ các quyền, quyền sở hữu và lợi ích phát sinh từ các hợp đồng kinh tế đã ký kết bao gồm quyền nhận bất kỳ khoản thanh toán nào.
- (iii) Khoản vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ 2,1%/năm, thời hạn vay 06 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iv) Khoản vay của một số cá nhân với mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay không quá 150% lãi suất Ngân hàng Nhà Nước công bố, thời hạn vay dưới 01 năm. Khoản vay này không có tài sản thế chấp.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn Ngân hàng	Vay ngắn hạn cá nhân	Cộng
Số đầu năm	798.783.103.444	216.809.000	798.999.912.444
Số tiền vay trong năm	2.763.708.292.244	-	2.763.708.292.244
Số tiền vay đã trả trong năm	(2.623.603.222.992)	-	(2.623.603.222.992)
Đánh giá lại số dư cuối năm	15.172.453.033	-	15.172.453.033
Số cuối năm	954.060.625.729	216.809.000	954.277.434.729

19b. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Số đầu năm	24.744.817.812	2.282.175.576	26.971.456	27.053.964.844
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	15.167.395.431	5.480.027.788	-	20.647.423.219
Thu khác	28.725.000	-	-	28.725.000
Chi quỹ trong năm	(7.362.184.078)	(2.289.401.195)	-	(9.651.585.273)
Khấu hao tài sản cố định hình thành từ quỹ phúc lợi	-	-	(4.373.752)	(4.373.752)
Số cuối năm	32.578.754.165	5.472.802.169	22.597.704	38.074.154.038

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Ngô Văn Ích	57.560.710.000	57.436.490.000
Ông Ngô Tuấn Kiệt	37.209.940.000	37.209.940.000
Bà Đào Thị Minh Hương	18.800.000.000	18.800.000.000
Các cổ đông khác	74.429.350.000	74.553.570.000
Cộng	188.000.000.000	188.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.800.000	18.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	18.800.000	18.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.800.000	18.800.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 29 tháng 4 năm 2016, Đại hội cổ đông đã thống nhất tỷ lệ chi trả cổ tức của năm 2015 là 10% vốn chủ sở hữu.

Tình hình biến động về chi trả cổ tức của các năm như sau:

	<u>Số cổ tức phải trả</u>	<u>Số cổ tức đã chi trả trong năm</u>	<u>Số cổ tức còn phải trả cuối năm</u>
- Cổ tức năm 2012 (30% vốn chủ sở hữu)	31.425.006.000	31.425.006.000	-
- Cổ tức năm 2013 (40% vốn chủ sở hữu)	31.425.006.000	15.575.010.500	15.849.995.500
- Cổ tức năm 2014 (30% vốn chủ sở hữu)	56.400.000.000	-	56.400.000.000
- Cổ tức năm 2015 (10% vốn chủ sở hữu)	18.800.000.000	-	18.800.000.000
Cộng	138.050.012.000	47.000.016.500	91.049.995.500

Khoản cổ tức này đã được ghi nhận là nợ phải trả cho các cổ đông (xem thuyết minh V.18a).

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 7.229.872,05 USD (số đầu năm là 8.427.257,28 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	353.548.126	257.223.385
Doanh thu thành phẩm chế biến thủy sản	3.321.386.305.351	2.837.364.821.932
Doanh thu nhà hàng và cung cấp dịch vụ	113.464.085.780	89.604.585.858
Cộng	3.424.094.425.906	2.927.226.631.175

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Onsen	255.998.919	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ nhà hàng	4.863.182	-
Doanh thu dịch vụ khác	251.135.737	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	9.555.006.397	26.945.823.899
Giảm giá hàng bán	3.892.854.650	532.195.985
Cộng	13.447.861.047	27.478.019.884

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, vật tư đã bán	449.708.111	221.995.777
Giá vốn của thành phẩm thủy sản đã bán	3.007.403.428.618	2.499.130.302.115
Giá vốn nhà hàng và cung cấp dịch vụ	42.004.709.423	31.567.707.579
Cộng	3.049.857.846.152	2.530.920.005.471

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	15.886.762.465	7.966.881.412
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	131.856.942	186.690.771
Lãi đầu tư cổ phiếu	-	52.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	18.974.580.612	17.339.886.203
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	6.045.928.362
Cộng	34.993.200.019	31.591.586.748

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	18.632.359.989	29.039.066.828
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.656.890.163	41.518.416.359
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	14.097.352.800	5.053.611.945
Cộng	43.386.602.952	75.611.095.132

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	15.931.963.638	13.908.569.172
Chi phí vật liệu, bao bì	3.146.703.747	2.856.781.765
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.019.554.903	7.225.242.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.966.597.190	103.659.307.356
- Chi phí vận chuyển nội địa	11.412.210.551	8.812.896.998
- Chi phí vận chuyển quốc tế	39.836.401.522	49.175.050.761
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	41.717.985.117	45.671.359.597
Chi phí khác	26.954.532.321	27.212.135.448
- Chi phí hoa hồng môi giới	18.812.578.402	15.580.449.300
- Chi phí khác	8.141.953.919	6.137.916.619
Cộng	146.019.351.799	154.862.035.762

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	28.195.423.230	27.004.341.320
Chi phí vật liệu, dụng cụ	773.929.195	507.856.455
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.288.714.880	2.781.458.475
Thuế, phí và lệ phí	3.853.288.993	3.016.861.488
Chi phí dự phòng	1.486.204.833	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.322.537.250	2.930.726.603
Các chi phí khác	27.420.901.862	24.048.876.479
<i>Chi phí pháp lý vụ kiện chống phá giá</i>	<i>5.346.437.465</i>	<i>2.585.387.500</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>22.074.464.397</i>	<i>16.117.012.886</i>
Cộng	<u>71.341.000.243</u>	<u>60.290.120.820</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	434.281.514
Thức ăn cá khuyến mãi	55.721.750	5.943.548.560
Thu nhập từ chiết khấu thương mại, chiết khấu bán hàng do mua thức ăn cho cá	-	1.644.898.227
Thu nhập bán phế liệu, vật tư thu hồi	150.561.320	682.842.181
Xử lý công nợ	39.006.656	50.328.709
Tiền bồi thường	327.410.516	244.614.993
Các khoản thu nhập khác	227.395.825	279.630.426
Cộng	<u>800.096.067</u>	<u>9.280.144.610</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	563.733.457	153.905.972
Thanh lý vật tư	114.694.179	122.308.568
Thuế bị phạt, thuế truy thu, tiền phạt	303.630.782	191.643.126
Thuế GTGT không được hoàn	39.044.592	-
Chi phí bồi thường	323.392.485	-
Các chi phí khác	1.968.820.892	2.840.901
Cộng	<u>3.313.316.387</u>	<u>470.698.567</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế đối với khoản lãi chưa thực hiện của các Công ty trong cùng Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Lãi trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	64.606.080.097	51.014.685.130
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.707.689.142)	(7.494.777.251)
Trích thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(177.458.839)	(216.826.088)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	60.720.932.116	43.303.081.791
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.800.000	18.800.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.230	2.303

11b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.436 VND xuống còn 2.303 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.458.435.326.194	2.039.966.112.892
Chi phí nhân công	357.474.838.429	307.029.499.985
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.868.375.054	55.516.491.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	193.869.467.799	187.041.751.975
Chi phí khác	81.850.796.711	103.181.048.694
Cộng	3.154.498.804.187	2.692.734.904.908

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt mà chỉ phát sinh giao dịch liên quan đến trả cổ tức như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Cổ tức phải trả	11.728.379.000	74.348.988.930
Công ty thanh toán cổ tức	29.310.286.786	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.18.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương và phụ cấp	1.824.677.000	1.680.000.000
Tiền thưởng	93.000.000	273.591.000
Nhận tiền thù lao các năm trước	1.099.000.000	1.271.000.000
Cộng	3.016.677.000	3.224.591.000

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Onsen	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Khánh Hòa	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với công ty liên kết. Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh giao dịch khác với bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa		
Chuyển tiền góp vốn	1.040.000.000	-
Công ty Cổ phần Onsen		
Chuyển tiền góp vốn	-	10.000.000
Mua thành phẩm nước đóng chai Onsen	778.311.704	-
Bán xe tải	77.272.727	-
Các khoản chi hộ cho Onsen	792.858.293	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.14, V.18a.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là chế biến thủy, hải sản và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ nước Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Các sai sót

Trình bày lại một số khoản thu tiền góp vốn và chi trả cổ tức của cổ đông không kiểm soát có ảnh hưởng đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>				
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	29.433.500.000	(29.413.500.000)	20.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(27.975.188.851)	21.811.644.550	(6.163.544.301)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	29.413.500.000	29.413.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(43.774.994.000)	(21.811.644.550)	(65.586.638.550)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	363.125.827.568	-	-	363.125.827.568
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	399.263.672.500	-	-	399.263.672.500
Phải thu khách hàng	406.584.521.076	138.094.122	3.001.077.945	409.723.693.143
Các khoản phải thu khác	6.482.204.859	-	-	6.482.204.859
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	28.349.550.000	-	-	28.349.550.000
Cộng	1.203.805.776.003	138.094.122	3.001.077.945	1.206.944.948.070
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	373.812.440.322	-	-	373.812.440.322
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.200.000.000	-	-	21.200.000.000
Phải thu khách hàng	397.071.270.407	137.409.852	1.789.517.009	398.998.197.268
Các khoản phải thu khác	8.087.105.885	-	-	8.087.105.885
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	295.310.000	-	-	295.310.000
Cộng	800.466.126.614	137.409.852	1.789.517.009	802.393.053.475

Chi tiết thời gian quá hạn của phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	66.984.181
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	70.273.863	15.884.475
Quá hạn trên 2 năm đến 3 năm	13.279.063	-
Quá hạn trên 3 năm	54.541.196	54.541.196
Cộng	138.094.122	137.409.852

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	65.790.160.253	-	65.790.160.253
Vay và nợ	954.277.434.729	-	954.277.434.729
Các khoản phải trả khác	133.940.553.152	500.000.000	134.440.553.152
Cộng	1.154.008.148.134	500.000.000	1.154.508.148.134
Số đầu năm			
Phải trả người bán	41.541.373.764	-	41.541.373.764
Vay và nợ	798.999.912.444	-	798.999.912.444
Các khoản phải trả khác	152.600.913.738	500.000.000	153.100.913.738
Cộng	993.142.199.946	500.000.000	993.642.199.946

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm (USD)</u>	<u>Số đầu năm (USD)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.229.872,05	8.427.257,28
Phải thu khách hàng	9.706.274,39	10.930.257,61
Phải trả người bán	(115,24)	(115,22)
Vay và nợ	(37.219.709,19)	(35.454.222,60)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(20.283.677,99)	(16.096.822,93)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 9.212.846.543 VND (năm trước giảm/tăng 7.227.473.495 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền và kỳ hạn gửi thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>VND</u>	<u>USD</u>	<u>VND</u>	<u>USD</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	125.000.000.000	-	157.250.000.000	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	399.263.672.500	-	21.200.000.000	-
Vay và nợ	(105.501.689.345)	(37.219.709,19)	(216.809.000)	(35.454.222,60)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	418.761.983.155	(37.219.709,19)	178.233.191.000	(35.454.222,60)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 8.375.239.663 VND (năm trước giảm/tăng 3.564.663.820 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 8.452.595.957 VND (cùng năm trước giảm/tăng 7.991.381.774 VND).

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thể chấp cho đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	254.158.835.024	285.156.347.176
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	366.137.664.000	21.200.000.000
Phải thu khách hàng	98.407.916.014	70.739.764.786
Cộng	718.704.415.038	377.096.111.962

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	363.125.827.568	-	373.812.440.322	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	399.263.672.500	-	21.200.000.000	-
Phải thu khách hàng	409.723.693.143	(3.001.077.945)	398.998.197.268	(1.789.517.009)
Các khoản phải thu khác	6.482.204.859	-	8.087.105.885	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	28.349.550.000	-	295.310.000	-
Cộng	1.206.944.948.070	(3.001.077.945)	802.393.053.475	(1.789.517.009)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	65.790.160.253	41.541.373.764
Vay và nợ	954.277.434.729	798.999.912.444
Các khoản phải trả khác	134.440.553.152	153.100.913.738
Cộng	1.154.508.148.134	993.642.199.946

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.


Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu


Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng

Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Ngô Văn Lân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiểm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

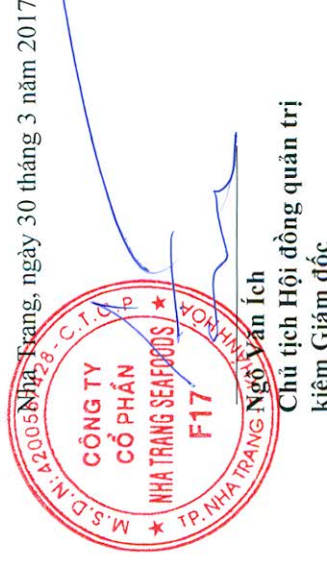
	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Hoàn thuế	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11.970.784	-	7.491.072.363	(7.989.978.972)	-	-	486.935.825
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.538.906.015	(1.538.906.015)	-	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	18.499.305	-	506.051.811	(496.818.946)	-	27.732.170	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	509.367.579	951.501.672	(1.096.604.723)	651.061.026	-	3.409.604
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.429.406.588	5.870.041.348	15.590.104.512	(17.356.239.743)	-	2.335.366.636	6.542.136.627
Thuế thu nhập cá nhân	699.174.272	-	2.331.120.668	(6.922.375.055)	-	100.471.137	448.352.832
Thuế tài nguyên	11.284.250	-	323.451.671	(320.939.621)	-	13.796.300	-
Thuế nhà đất	-	-	6.136.732	(6.136.732)	-	-	-
Tiền thuế đất	537.454.800	-	2.115.722.150	(2.653.176.950)	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	139.981.245	(20.000.000)	-	119.981.245	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	14.880.000	-	245.997.210	(242.277.210)	-	18.600.000	-
	4.722.669.999	6.379.408.927	31.240.046.049	(38.643.453.967)	651.061.026	2.615.947.488	7.480.834.888



Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu



Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Kiểm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	188.000.000.000	38.336.050.834	327.873.370.752	386.950.273.734	941.159.695.320
Tăng vốn góp trong năm trước	-	-	-	29.413.500.000	29.413.500.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	51.014.685.130	52.528.856.149	103.543.541.279
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	1.571.640.611	(1.571.640.611)	-	-
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.226.806.559)	(5.332.884.624)	(10.559.691.183)
Chi trả cổ tức các năm trước	-	-	(43.774.994.000)	(45.079.103.550)	(88.854.097.550)
Cổ tức từ năm 2012 đến 2014 còn phải trả	-	-	(119.250.012.000)	-	(119.250.012.000)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát	-	(990.629.882)	3.271.301.475	(2.280.671.593)	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	41.842.372	41.842.372
Số dư cuối năm trước	188.000.000.000	38.917.061.563	212.335.904.187	416.241.812.488	855.494.778.238
Số dư đầu năm nay	188.000.000.000	38.917.061.563	212.335.904.187	416.241.812.488	855.494.778.238
Tăng vốn góp trong năm nay	-	-	-	95.719.500.000	95.719.500.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	64.606.080.097	52.254.040.466	116.860.120.563
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	1.708.775.363	(1.708.775.363)	-	-
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014	-	-	(8.902.582.168)	-	(8.902.582.168)
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015	-	-	(2.267.970.692)	(720.259.036)	(2.988.229.728)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016	-	-	(3.707.689.142)	(5.048.922.181)	(8.756.611.323)
Cổ tức từ lợi nhuận năm 2015 phải trả cho các cổ đông	-	-	(18.800.000.000)	(36.011.742.000)	(54.811.742.000)
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2015 và năm 2016	-	-	(394.284.927)	-	(394.284.927)
Điều chỉnh tăng tài sản cố định theo biên bản kiểm tra thuế	-	-	81.162.417	656.641.478	737.803.895
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát	-	(142.403.475)	(2.282.004.075)	2.424.407.550	-
Số dư cuối năm nay	188.000.000.000	40.483.433.451	238.959.840.334	525.515.478.765	992.958.752.550

Đơn vị tính: VND

Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2017



Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng

Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Giám đốc

Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu